

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2019

V/v: Ly hôn giữa Chị X và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Ty.

2. Ông Cầm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị X**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 614 đường Nguyễn Văn C, phường Lộc Ph, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 168 đường Đoàn Thị Đ, xã Lộc Th, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa Chị X có mặt; anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh H có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lộc Ph, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 15/6/2009. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu 06 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống bình thường cho đến năm 2015

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên đi ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình vợ con. Ngoài ra anh H hay ghen tuông vô cớ và nghi ngờ con chị sinh ra không phải con của anh H dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau làm cho tình cảm bị rạn nứt. Đến đầu năm 2018, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh H đã đuổi chị ra khỏi nhà trước sự chứng kiến của mẹ chồng và gia đình em chồng nhưng không ai can ngăn gì, do uất ức chị đã bỏ nhà đi và đưa theo 02 con chung đi nơi khác sinh sống từ đó cho đến nay. Sau đó, anh H có tìm chị để trở về chung sống nhưng vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm của chị đối với anh H không còn nên chị không đồng ý. Nay cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 07/8/2015 và Nguyễn Bích V, sinh ngày 19/5/2010. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị X khai không có.

Nợ chung; nợ riêng: Chị X khai không có.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị X đăng ký kết hôn đúng như Chị X trình bày. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thỉnh thoảng anh cũng có đi uống rượu nên vợ chồng xảy ra xích mích, cãi vã, mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và kinh tế làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Đến đầu năm 2018 trong lúc vợ chồng cãi nhau, anh nóng giận và đuổi Chị X ra khỏi nhà nhưng sau đó suy nghĩ lại anh có gọi điện thoại, năn nỉ Chị X trở về, tuy nhiên Chị X cương quyết không trở về nữa vì không còn tình cảm gì với anh. Nay anh vẫn còn thương vợ con, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con và bản thân anh theo đạo Thiên chúa giáo nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như Chị X đã trình bày là đúng. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu Chị X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh H khai không có.

Nợ chung; nợ riêng: Anh H khai không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25 tháng 7 năm 2019 nhưng không thành.

Tại phiên tòa Chị X cương quyết xin được ly hôn với anh H vì không còn tình cảm; anh H vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị X đối với anh Nguyễn Thanh H; Giao con chung Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 07/8/2015 và Nguyễn Bích V, sinh ngày 19/5/2010 cho Chị X trực tiếp nuôi dưỡng, Chị X không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét; Về án phí: Buộc Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị X và anh Nguyễn Thanh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống Chị X và anh H có mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế gia đình khó khăn nên cuộc sống chung thường xảy ra cãi vã, xô xát, không có hạnh phúc. Tại phiên tòa Chị X vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh H vì không còn tình cảm. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng Chị X, anh H có mâu thuẫn do không hợp về cách sống, kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã nên mỗi người đã sống một nơi từ đầu năm 2018 cho đến nay. Mặt khác anh H trình bày từ khi Chị X đưa 02 con đi nơi khác sinh sống thì anh có gọi điện thoại năn nỉ Chị X trở về nhưng Chị X không đồng ý và cương quyết ly hôn với anh, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân của Chị X và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị X là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu của Chị X xin được nuôi cả 02 con chung thấy rằng từ khi Chị X và anh H không sống chung với nhau thì 02 con nhỏ theo Chị X về sinh sống tại huyện Vĩnh C, tỉnh Đồng Nai được Chị X chăm sóc phát triển tốt. Hiện nay Chị X đang làm công nhân giày da cho công ty Chang Shin Việt Nam tại tỉnh Đồng Nai, thu nhập bình quân 01 tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Ngoài ra, Chị X còn đi làm ngoài giờ để có thêm thu nhập nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi 02 con của anh H thấy rằng từ khi Chị X đưa 02 con đi nơi khác sinh sống thì anh H không đến thăm nom con và cũng không trợ cấp gì cho Chị X nuôi con, qua đó cho thấy anh H không thể hiện trách nhiệm của người cha đối với các con. Vì vậy, giao con chung Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 07/8/2015 và Nguyễn Bích V, sinh ngày 19/5/2010 cho Chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, Chị X không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị X và anh H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị X và anh H khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị X và anh Nguyễn Thanh H.
2. Về con chung: giao con chung Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 07/8/2015 và Nguyễn Bích V, sinh ngày 19/5/2010 cho Chị X trực tiếp nuôi dưỡng, Chị X không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị X và anh H khai không có.

4. Về nợ chung: Chị X và anh H khai không có.

5. Về án phí: Chị Hà Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005434 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND phường Lộc Phát, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền